|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 214/TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 7 năm 2019* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 131/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010 quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ và Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoán chi phụ cấp tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Theo đó, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác của thôn, tổ dân phố quy định như sau:

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã (quy định tại Nghị quyết số 131/2010/NQ-HĐND): Số lượng được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, cụ thể:

+ Loại 1: Tối đa 23 người;

+ Loại 2: Tối đa 22 người;

+ Loại 3: Tối đa 21 người.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

+ Chức danh (quy định tại Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND):

Khối công tác Đảng gồm: Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra; Tuyên giáo - Dân vận.

Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, hội gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó các đoàn thể: Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh; Trưởng Ban đại diện người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

Khối công tác chính quyền: Đối với các phường gồm: Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; Phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có). Đối với các xã, thị trấn gồm: Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; Phó Trưởng Công an; Công an viên thường trực; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; Phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Dân số kế hoạch hóa gia đình; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có).

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã (quy định tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND): Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí không quá 08 người.

+ Mức khoán chi phụ cấp (quy định tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND): Thực hiện tổng mức khoán chi phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã loại 1, loại 2, loại 3 bằng mức khoán quỹ phụ cấp quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 tháng lương cơ sở; xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 tháng lương cơ sở và xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 tháng lương cơ sở.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

+ Chức danh (quy định tại Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND): Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận; Tổ (thôn) phó; Công an viên ở địa bàn xã, thị trấn hoặc tổ đội trưởng (quân sự) ở địa bàn phường.

+ Số lượng (quy định tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND): Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 02 người.

+ Mức khoán chi phụ cấp (quy định tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND): Thực hiện tổng khoán chi phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,6 tháng lương cơ sở; thôn, tổ dân phố loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,3 tháng lương cơ sở; thôn, tổ dân phố loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 tháng lương cơ sở.

- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố:

+ Nhóm nhiệm vụ (quy định tại Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND): Nhân viên y tế, cộng tác viên dân số kế hoạch hóa gia đình, phụ trách công tác gia đình; Thôn (tổ) đội trưởng (quân sự) ở địa bàn xã, thị trấn hoặc tổ bảo vệ dân phố ở địa bàn phường; Phó Bí thư chi bộ, chi ủy viên, Phó Ban công tác Mặt trận; Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội Phụ nữ; Chi hội Cựu chiến binh; Chi hội Nông dân; Tổ chức xã hội và các nhiệm vụ khác theo đặc thù địa phương.

+ Số lượng (quy định tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND): Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 05 người.

+ Mức khoán chi phụ cấp (quy định tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND): Thực hiện tổng khoán chi phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tô dân phố như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 4,2 tháng lương cơ sở; thôn, tổ dân phố loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,8 tháng lương cơ sở; thôn, tổ dân phố loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,4 tháng lương cơ sở.

Ngày 24/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, số lượng cán bộ, công chức cấp xã; số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có sự thay đổi. Để thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ; tiếp tục cụ thể hóa chủ trương tại Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số vấn đề tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII); căn cứ Kết luận số 126-KL/TU ngày 04/7/2019 Hội nghị lần thứ 37 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, định hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 và một số chính sách trình kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, UBND tỉnh trình Nghị quyết quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

**1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã:**

**1.1. Đối với xã không thực hiện sắp xếp:**

- Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm 01 người so với số lượng tối đa quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể: Xã loại 1: Tối đa 22 người; xã loại 2: Tối đa 20 người; xã loại 3: Tối đa 18 người.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương để bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã bằng hoặc thấp hơn quy định trên. Đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an xã là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1 Điều này giảm 01 người.

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định trên bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

Quy định như trên phù hợp với tinh thần Kết luận số 92-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phù hợp với số lượng cán bộ công chức cấp xã hiện có trên địa bàn toàn tỉnh (đến ngày 30/6/2019 trung bình mỗi xã có 19,7 cán bộ công chức/xã).

**1.2. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp:** “Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ, công chức cấp xã ở đơn vị hành chính mới phải bảo đảm số lượng quy định tại Khoản 1 Điều này”. Việc quy định như trên phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021.

**2. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã**

**2.1. Chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã:**

- Khối công tác Đảng gồm: Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận.

- Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, hội gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Phó các đoàn thể: Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

- Khối công tác chính quyền:

+ Đối với các phường gồm: Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; Phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có).

+ Đối với các xã, thị trấn gồm: Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; Phó Trưởng Công an; Công an viên thường trực; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; Phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có). (Riêng Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực chỉ áp dụng đối với xã chưa bố trí công an chính quy).

Như vậy, Dự thảo Nghị quyết cơ bản giữ nguyên các chức danh quy định tại Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh. Tuy vậy, có một số chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định khác so với Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND: Chủ tịch Hội Người cao tuổi (Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND quy định là: Trưởng Ban đại diện người cao tuổi); bỏ chức danh Dân số kế hoạch hóa gia đình (do nhiệm vụ này đã chuyển về Trạm y tế cấp xã). Ngoài ra, chỉ quy định chức danh Phó trưởng công an và công an viên thường trực tại các xã không bố trí công an chính quy do hiện nay một số địa phương đã bố trí lực lượng công an chính quy về làm nhiệm vụ Trưởng công an xã và Phó trưởng công an xã.

**2.2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã:**

a) Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí không quá 08 người; trong trường hợp cụ thể, không thể bố trí kiêm nhiệm thì bố trí tối đa không quá 09 người.

Sau khi tiếp thu ý kiến tại Kết luận số 126-KL/TU ngày 04/7/2019 Hội nghị lần thứ 37 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, định hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 và một số chính sách trình kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, quy định như trên phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo điều kiện cho các địa phương sắp xếp, bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo hướng kiêm nhiệm nhưng không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ nào. Đối với các địa phương bố trí 08 người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Kết luận số 92-KL/TU thì giữ nguyên số lượng; đối với các địa phương do đặc thù, không có nhân sự phù hợp để bố trí kiêm nhiệm (đặc biệt là các tổ chức hội yêu cầu chức danh chủ tịch hội phải là hội viên) thì bố trí 09 người.

b) Đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp: Sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở đơn vị hành chính mới phải bảo đảm số lượng theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở đơn vị hành chính mới phải bảo đảm số lượng bố trí không quá 08 người; trong trường hợp đặc biệt (không có nhân sự phù hợp để kiêm nhiệm) bố trí không quá 09 người.

2.3. Mức khoán chi phụ cấp: Thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau: Loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở; Loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở; Loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở. Mức khoán chi phụ cấp đối với 01 người hoạt động không chuyên trách cấp xã không được cao hơn 2,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng (bố trí 08 người) và không được cao hơn 1,78 lần mức lương cơ sở/người/tháng (bố trí 09 người).

**3. Ở thôn, tổ dân phố**

**3.1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:**

- Quy định 03 chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận. Giảm 02 chức danh Tổ phó; Công an viên ở địa bàn xã, thị trấn hoặc tổ đội trưởng (quân sự) ở địa bàn phường so với Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh để thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 02 người. Quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố giữ nguyên so với Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND nhằm thực hiện chủ trương tinh giản biên chế tại Kết luận số 92-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Việc quy định giảm số lượng người, tăng mức khoán phụ cấp đã nhận được sự đồng tình của phần lớn cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Mức khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố vẫn giữ nguyên so với mức khoán tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND, cụ thể: Thôn, tổ dân phố loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,6 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,3 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở.

**3.2. Đối với người tham gia công việc của thôn, tổ dân phố:**

Tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP quy định: *Người tham gia công việc của thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đã được quy định thì không được hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).*

Do đó, để phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; sau khi tiếp thu ý kiến tại Kết luận số 126-KL/TU ngày 04/7/2019 Hội nghị lần thứ 37 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu quy định đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố như sau:

Mức bồi dưỡng quy định tại Dự thảo Nghị quyết tương đương 1/3 mức khoán kinh phí tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND, cụ thể: Những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ mức bồi dưỡng hàng năm như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được hỗ trợ 25 triệu đồng/năm; Thôn, tổ dân phố loại 2 được hỗ trợ 22 triệu đồng/năm; Thôn, tổ dân phố loại 3 được hỗ trợ 20 triệu đồng/năm.

Dự kiến ngân sách hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố hàng năm là: 43,977 tỷ đồng (giảm 2/3 so với mức khoán kinh phí tại Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND).

**4. Nguyên tắc, đối tượng, mức phụ cấp kiêm nhiệm**

Thực hiện kiêm nhiệm để giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 4 và Điểm b Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

**4.1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm cán bộ, công chức cấp xã:** Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã còn được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm gồm: 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

**4.2. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã:** Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã còn được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 2,0 lần mức lương cơ sở (nếu quy định 08 người hoạt động không chuyên trách cấp xã) và không được quá 1,78 lần mức lương cơ sở (nếu quy định 09 người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

**4.3. Cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:** Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã hoặc được hưởng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, còn được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 1,8 lần mức lương cơ sở (bằng mức tối đa của một người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố loại 1: 3,6 lần mức lương cơ sở/02 người).

**5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và nguồn ngân sách cấp tỉnh.

**6. Về triển khai thực hiện**

6.1. Về bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã; số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố: Thực hiện từ thời điểm Nghị quyết có hiệu lực.

6.2. Trên cơ sở các chức danh đã được quy định và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định tên, số lượng các nhiệm vụ được khoán và mức khoán cho mỗi nhiệm vụ, đảm bảo không chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ và tổng mức khoán bằng mức khoán đã được quy định tại Nghị quyết; quy định số lượng, chức danh, nhiệm vụ, mức bồi dưỡng của những người trực tiếp thực hiện công việc của thôn, tổ dân phố.

6.3. Bãi bỏ các quy định về số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố tại Nghị quyết số 131/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoán chi phụ cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12 /12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**7. Đánh giá chung**

- Thực hiện được chủ trương khoán chi phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố, những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố; đồng thời quy định giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố, những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố theo đúng tinh thần tại Nghị quyết 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Quy định mức khoán chi phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên cơ sở mức phụ cấp quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và cân đối nguồn kinh phí của địa phương.

*(Gửi kèm các văn bản liên quan).*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Chánh VP, các Phó Văn phòng;  - Lưu: VT, TKTH, NC1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  ***(đã ký)***  **Đặng Quốc Vinh** |
|  |  |